TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2018/DS-PT
Ngày: 02/02/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
tặng cho tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung

Các Thẩm phán: 1. Bà Trịnh Thị Ánh

2. Ông Nguyễn Đình Đức

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Hồ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 679/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017 về ‘‘Tranh chấp hợp đồng dân sự tặng cho tài sản’’,

Do bản án dân sự sơ thẩm số 224/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của tòa án nhân dân Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2018/QĐPT-DS ngày 11/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1935.
Địa chỉ: 126/1 đường Đ, Phường M, Quận V, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980;
Địa chỉ liên lạc: 412 đường P, Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh
(Giấy ủy quyền ngày 10/8/2015 số công chứng 008080, quyển số 04 tại Văn phòng Công chứng C, có mặt tại phiên tòa) (Có mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1980 (Có mặt) .
Địa chỉ liên lạc: 256/11 đường Y, Phường B, Quận V, TP. Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Đoàn Văn N – Văn phòng luật sư Nguyễn Đ, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị Ngọc K, sinh năm 1955;

Địa chỉ: 126/1 đường Đ, Phường M, Quận V, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Ông Trần Tấn G, sinh năm 1965; Địa chỉ: TK53/20 đường A, Phường U, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 06/01/2015, số công chứng 000 00 421 quyển số 01 tại Văn phòng công chứng T, có mặt tại phiên tòa) (Có mặt).

2. Văn phòng Công chứng N;

Trụ sở: 214/B11 đường R, Phường K, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng công chứng N: Ông Phạm Văn U, sinh năm 1991 (Giấy ủy quyền số: 253/VPCCGĐ ngày 28/7/2017 của Văn phòng công chứng N) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa như sau: Căn nhà số 126/1 Đường Đ, Phường M, Quận V, TP. Hồ Chí Minh, thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị Y và ông Bùi Văn L. Ngày 01/11/2014 bà Phạm Thị Y lập Hợp đồng tặng cho một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, công chứng tại Văn phòng công chứng N (bên tặng cho Phạm Thị Y, bên nhận tặng cho Bùi Thị Ngọc K, Huỳnh Thanh S); thời điểm này ông Bùi Văn L là đồng sở hữu căn nhà này. Sau đó, do có sự nhầm lẫn nên ông Bùi Văn L đã lập Hợp đồng tặng cho một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 18/7/2015 (phần quyền sở hữu của ông L), công chứng tại Văn phòng công chứng N (bên tặng cho Bùi Văn L, bên nhận tặng cho Huỳnh Thanh S). Sau khi ông L phát hiện có sự nhầm lẫn tặng cho này, thực chất ông L chỉ đồng ý đi cùng anh Huỳnh Thanh S đến cơ quan nhà nước làm thủ tục hợp thức hóa căn nhà này (phần mà bà Y đã tặng cho anh S và bà K), ông L đã yêu cầu cơ quan nhà nước ngăn chặn việc hợp thức hóa căn nhà này.

Ông yêu cầu Tòa án hủy việc tặng cho tài sản theo nội dung Hợp đồng tặng cho một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 18/7/2015.

2/ Người đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày ý kiến: Từ nhỏ đến hiện nay anh Huỳnh Thanh S đã và đang cư ngụ tại căn nhà số 126/1 Đường Đ, Phường M, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; từ nhỏ đến lớn ông bà ngoại của anh S đều yêu thương anh S và anh S cũng luôn hiếu kính với ông bà cha mẹ qua việc chăm sóc nhà cửa, thờ phụng tổ tiên.

Căn nhà số 126/1 Đường Đ, Phường M, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị Y và ông Bùi Văn L; sau đó bà Phạm Thị Y lập Hợp đồng tặng cho một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 018940 ngày 01/11/2014, công chứng tại Văn phòng công chứng N (bên tặng cho bà Phạm Thị Y, bên nhận tặng cho bà Bùi Thị Ngọc K, anh Huỳnh Thanh S); thời điểm này ông Bùi Văn L là đồng sở hữu căn nhà này.

Sau đó, theo yêu cầu của gia đình, anh S đi làm thủ tục hợp thức hóa căn nhà này, nhưng do hiện trạng thực tế căn nhà này có thay đổi so với giấy chứng nhận nhà cũ, nên không làm thủ tục được (văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân Quận V số 3971/UBND-TNMT ngày 17/12/2014).

Ngày 18/7/2015 ông Bùi Văn L đã lập Hợp đồng tặng cho một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 012309, quyển số 3 (phần quyền sở hữu của ông L), công chứng tại Văn phòng công chứng N (bên tặng cho ông Bùi Văn L, bên nhận tặng cho anh Huỳnh Thanh S). Thời điểm ông L lập hợp đồng tặng cho này, ông L hoàn toàn minh mẫn, sức khỏe tốt theo giấy khám sức khỏe ngày 16/7/2015 của Bệnh viện Quận V. Tại thời điểm tặng cho, hoàn tòan không có sự lừa dối hay ép buộc mà xuất phát từ tình cảm giữa ông ngoại và cháu ngoại.

Ông yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3/ Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ngọc K là ông Trần Tấn G trình bày: **B**à Bùi Thị Ngọc K thống nhất trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho từ ông Bùi Văn L sang cho anh Huỳnh Thanh S (Hợp đồng tặng cho một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 18/7/2015).

4/ Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng N, trình bày tại bản tự khai: Văn phòng công chứng N đã kiểm tra tình trạng sức khỏe, các loại văn bản về nhân thân, quyền sở hữu và nội dung công chứng là hợp đồng tặng cho một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà số 126/1 đường Đ, Phường M, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, theo yêu cầu của ông Bùi Văn L, anh Huỳnh Thanh S tự thỏa thuận và thống nhất, ông L, anh S đã thể hiện ý chí thống nhất qua việc đã đồng ý nội dung văn bản và đọc lại và xác nhận ký tên, lăn tay trên văn bản công chứng. Như vậy, Văn phòng công chứng N đã được thực hiện đúng với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn L.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 012309, quyển số 3 (phần quyền sở hữu của ông L), công chứng tại Văn phòng công chứng N (bên tặng cho Bùi Văn L, bên nhận tặng cho Huỳnh Thanh S), với các lý do:

+ Giấy khám sức khỏe ngày 16/7/2015 của Bệnh viện Quận V, đối với ông Bùi Văn L, thể hiện: lão thính, lão thị. Vào thời điểm ông L lập hợp đồng tặng cho năm 2015 đã 81 tuổi, nhưng Công chứng viên không cho người làm chứng, không đọc lại và giải thích nội dung hợp đồng cho ông L, việc này bà Bùi Thị Ngọc K, là mẹ ruột của anh S, đã xác nhận tại phiên tòa; cũng tương tự nội dung bản di chúc năm 2014, cùng Phòng công chứng N, cùng một công chứng viên, nhưng khi đó Công chứng viên mời hai người làm chứng, đọc lại và giải thích cho ông L nghe. Việc công chứng này vi phạm khoản 2 Điều 47 Luật công chứng 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ này.

+ Khi đi công chứng hợp đồng tặng cho năm 2015, chỉ có anh Huỳnh Thanh S, bà Bùi Thị Ngọc K và ông Bùi Văn L; trước khi đi bà K đã khẳng định trước phiên tòa là, anh S chỉ nói đi làm thủ tục giấy tờ, vì làm mẹ nên bà K tin tưởng con mới đi, khi con (anh S) nói ký thì bà ký, chứ không đọc và Công chứng viên cũng không đọc lại cho bà K nghe.

+ Sự việc vào ngày 03/8/2015, anh S cho người tháo dỡ, đập phá một phần nhà, xảy ra mâu thuẫn với mọi người trong gia đình thì sự việc mới được phát hiện, lúc này ông L mới biết bị cháu ngoại là anh S, lừa ký hợp đồng tặng cho nhà, không phải là ký hợp đồng ủy quyền để anh S đi làm thủ tục hợp thức hóa căn nhà này, như anh S đã nói với ông L. Do vậy, ông L đã quyết liệt yêu cầu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn việc anh S làm thủ tục hợp thức hóa.

+ Ông L yêu cầu anh S trả lại giấy tờ nhà bản chính để ông L cất giữ.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, hủy hợp đồng tặng cho năm 2015.

Nguyên đơn ông Bùi Văn L phát biểu: Huỳnh Thanh S là tên lừa đảo, dẫn người về nhà đánh mẹ ruột của mình; đề nghị Tòa án cho tôi (L) được giữ lại một phần nhà để thờ cúng tổ tiên, gia đình Liệt sỹ.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Thanh S, ông Nguyễn Thế O trình bày: đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, như trình bày của Luật sư, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc K, cùng yêu cầu với bên nguyên đơn. Việc gia đình không đồng ý để cha là ông L tặng cho nhà cho S là vì S có tư cách đạo đức không tốt về cư xử với các thành viên trong gia đình, đã dẫn ba người về nhà đánh tôi (K), có sự chứng kiến của Tổ trưởng dân phố, tôi (K) sau đó đã báo lại sự việc cho Cảnh sát khu vực. Việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày, tôi (K) buồn vì chỉ được hưởng ¼ căn nhà, còn S được hưởng ¾ căn nhà, là không đúng sự thật. Tôi (K) làm con, cha cho gì thì hưởng nấy, không đòi hỏi hay buồn phiền gì cả. Việc S yêu cầu tôi (K) ký văn bản thỏa thuận về tài sản này thì đến nay tôi (K) mới biết, vì khi đó S chỉ nói ông ngoại cho tài sản, mẹ ký tên xác nhận cho con, vì tin S nên tôi (K) ký chứ không đọc nội dung.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng N, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật, chứng cứ do văn phòng công chứng N cung cấp, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

+ Ông L đã tự nguyện đi khám sức khỏe, Kết luận của Bệnh viện Quận V là đủ sức khỏe thực hiện giao dịch dân sự, hợp đồng tặng cho 2015 đã được công chứng xong là có giá trị pháp lý theo Điều 5 Luật công chứng.

+ Hợp đồng công chứng có giá trị pháp lý, không cần thiết phải chứng minh.

+ Công chứng viên đã giải thích rõ ràng, đầy đủ nội dung hợp đồng cho ông L, rồi mới yêu cầu ông L ký tên, điểm chỉ, là đúng chức trách của công chứng viên.

Tại Bản án số 224/2017/DS-ST ngày: 22/8/2017 của tòa án nhân dân Quận V đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn L.

1. Hủy Hợp đồng tặng cho một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 012309, quyển số 03, ngày 18/7/2015 lập tại Văn phòng công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh, được xác lập giữa ông Bùi Văn L và anh Huỳnh Thanh S, có nội dung: tặng cho toàn bộ phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông Bùi Văn L tại căn nhà, đất số 126/1 Đường Đ, Phường M, Quận V, TP. Hồ Chí Minh cho anh Huỳnh Thanh S (là cháu), để bà Bùi Thị Ngọc K và anh Huỳnh Thanh S trở thành người có quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, đối với căn nhà này, là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả hợp đồng công chứng vô hiệu:

2.1. Buộc ông Huỳnh Thanh S hoàn trả lại cho ông Bùi Văn L:

+ Bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 2712/2004 do Ủy ban nhân dân Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/8/2004;

+ Bản chính tờ khai lệ phí trước bạ ngày 29/12/2014.

2.2. Ông Bùi Văn L, bà Bùi Thị Ngọc K, anh Huỳnh Thanh S, được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, xác lập đồng sở hữu chung về tài sản đối với căn nhà, đất số 126/1 Đường Đ, Phường M, Quận V, TP. Hồ Chí Minh theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/9/2017, ông Huỳnh Thanh S kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 224/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của tòa án nhân dân Quận V, TP. Hồ Chí Minh

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S không rút đơn kháng cáo, ông L không rút đơn khởi kiện. Ông S đề xuất hòa giải với phương án đồng ý hủy hợp đồng tặng cho giữa ông và ông L; Ông yêu cầu ông L trả lại số tiền đã đưa cho ông L 300.000.000 đồng.

Đại diện của nguyên đơn (ông L): Đồng ý với phương án hòa giải, đồng ý hủy hợp đồng tặng cho, đồng ý trả lại số tiền 300.000.000 đồng đã nhận của ông S. Đề nghị được trả làm hai lần. Lần thứ nhất vào ngày 02/3/2018 trả 150.000.000 đồng và lần thứ hai trả 150.000.000 đồng vào ngày 02/4/2018.

- Ông S đồng ý với phương thức trả tiền như trên.

- Đại diện bà K đồng ý ý kiến hòa giải của nguyên đơn và bị đơn

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của ông S trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn, bị đơn, người liên quan đã đưa ra phương án hòa giải và thỏa thuận được. Sự thỏa thuận này là tự

nguyện, không trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa án sơ thẩm theo hướng ông L trả lại ông S 300.000.000 đồng và các bên đồng ý hủy hợp đồng tặng cho ngày 18/7/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo và thời hạn đóng tạm ứng án phí của ông S làm trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Xét nội dung kháng cáo của ông S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn, bị đơn, đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất hòa giải với nội dụng: Đồng ý hủy hợp đồng tặng cho phần sở hữu nhà và quyền sử dụng đất giữa ông L và ông S, ông L trả lại 300.000.000 đồng làm hai lần cho ông S:

- Lần 1 vào ngày 02/3/2018 trả 150.000.000 đồng.
- Lần 2 vào ngày 02/4/2018 trả 150.000.000 đồng.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật. Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của luật sư, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Do sửa bản án sơ thẩm nên hoàn trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Huỳnh Thanh S theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0028067 ngày 22/9/2017 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0028404 ngày 22/11/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 5, khoản 2 Điều 21, khoan 3 Wieti 26, wiekn a khoan 1 Wieti 35, wiekn a khoan 1 Wieti 39, đoạn 2 khoản 4 Điều 68, Điều 85, Điều 86, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điều 108, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 233 va~ khoản 1 Điều 273 Bojluaj togung danh s| ụ

Căn cứ Điều 134, Điều 138, Điều 688 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

Căn cứ Điều 139, Điều 142, Điều 143, Điều 144, Điều 465, Điều 467, Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 649, Khoản 3 Điều 650, Điều 653, Điều 654, Khoản 1 Điều 667 Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11;

Căn cứ khoản 1 Điều 2, khoản 8 Điều 40, khoản 3 Điều 41, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Luật công chứng số: 53/2014/QH13;

Căn cứ tiểu mục 1 Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 vefllejphs, an phs Toa- an;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Thanh S. Sữa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1. Các bên đồng ý tuyên Hợp đồng tặng cho một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 012309, quyển số 03, ngày 18/7/2015 lập tại Văn phòng Công Chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh, được xác lập giữa ông Bùi Văn L và anh Huỳnh Thanh S, có nội dung: tặng cho toàn bộ phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của ông Bùi Văn L tại căn nhà, đất số 126/1 Tân Hòa Đông, Phl zng 14, Quajn 6, Thanh phog Hofl Chí Minh là vô hiệu.

Ông Bùi Văn L có trách nhiệm trả lại cho anh Huỳnh Thanh S số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng:

Lần 1 trả 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng vào ngày 02/3/2018;

Lần 2 trả 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng vào ngày 02/4/2018;

Sau khi ông L trả đủ số tiền nêu trên thì anh S trả lại cho ông L các giấy tờ đã nhận gồm:

+ Bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 2712/2004 do Ủy ban nhân dân Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/8/2004;

+ Bản chính tờ khai lệ phí trước bạ ngày 29/12/2014.

Kể từ ngày anh S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2.2. Ông Bùi Văn L, bà Bùi Thị Ngọc K, anh Huỳnh Thanh S, được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, xác lập đồng sở hữu chung về tài sản đối với căn nhà, đất số 126/1 đường Đ, Phường M, Quận V, Thanh phog Hofl Chí Minh, theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Văn L không phải chịu án phí dân sự 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, ông L được nhận số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, theo biell lai thu tiefi tam | ng an phs sog AD/2014/0002434, ngay- 21 tháng 10 năm 2015 cua Chi cục thi hanh an dan s| u Quajn V, Thanh phog Hofl Chs Minh.

- Anh Huỳnh Thanh S phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh S nộp số tiền án phí 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Huỳnh Thanh S theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0028067 ngày 22/9/2017 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0028404 ngày 22/11/2017.

5. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND quận V;
- Chi cục THADS quận V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nhung